



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2020/CBTT-HĐQT
V/v CBTT báo cáo thường niên năm 2019

Gia Lai; ngày 16 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ trụ sở chính: 650 Lê Duẩn - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 3 756096 Fax: 0269 3756097

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Bình

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Điện thoại: 0269 3 756093.

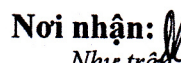
Fax: 0269 3 756097.

Loại công bố thông tin: 24h 72 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- o Báo cáo thường niên năm 2019, thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn "www.sesan4a.com.vn - mục công bố thông tin".

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 
- Như trên.
- CT.HĐQT (b/cáo)
- Lưu VP, HĐQT

Tài liệu gửi kèm: : Báo cáo thường niên năm 2019.

Người thực hiện công bố thông tin




Nguyễn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY
ĐIỆN SÊ SAN 4A**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 01/2020/S4A-BCTN

Gia Lai, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
Năm báo cáo: 2019**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A
- Tên tiếng Anh: Se San 4A hydroPower Joint Stock company
- Tên viết tắt: SHJC
- Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900413305 đăng ký lần đầu ngày 15/5/2007 sửa đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2013 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp
- Vốn điều lệ: 422.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 422.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 650 Lê Duẩn – thành phố Pleiku – tỉnh Gialai
- Số điện thoại: 02693 756 096
- Số fax: 02693 756 097
- Website: <http://www.sesan4a.com.vn>
- Mã cổ phiếu: S4A

Quá trình hình thành và phát triển;

- Thành lập tháng 05/2007.
- Khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Sê San 4A tháng 15/03/2008.
- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 01 vào tháng 07/2011.
- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 02 vào tháng 09/2011.

- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 03 hoàn thành công tác đầu tư xây dựng nhà máy vào tháng 11/2011.

- Tháng 12 năm 2012 Công ty tăng vốn điều lệ từ 360 tỉ đồng lên 422 tỉ đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu phân phối theo tỷ lệ cho các Cổ đông hiện hữu và các Cổ đông khác.

- Ngày 14/02/2015 là Công ty đại chúng qui mô lớn.

- Lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 07/10/2015.

- Ngày 27/05/2016 chính thức niêm yết 42.200.000 cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mức giá tham chiếu phiên giao dịch đầu tiên 15.000 đồng/ cổ phiếu

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

o *Ngành nghề kinh doanh:*

ST T	Tên ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện; - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
2	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.
4	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.
6	Chuẩn bị mặt bằng

	Chi tiết: San lắp mặt bằng.
7	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất điện; truyền tải điện; - Phân phối và kinh doanh điện năng.
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện.
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)
10	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện.
11	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (Tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện)

- **Địa bàn kinh doanh hiện nay:** Tỉnh Gia Lai – Việt Nam

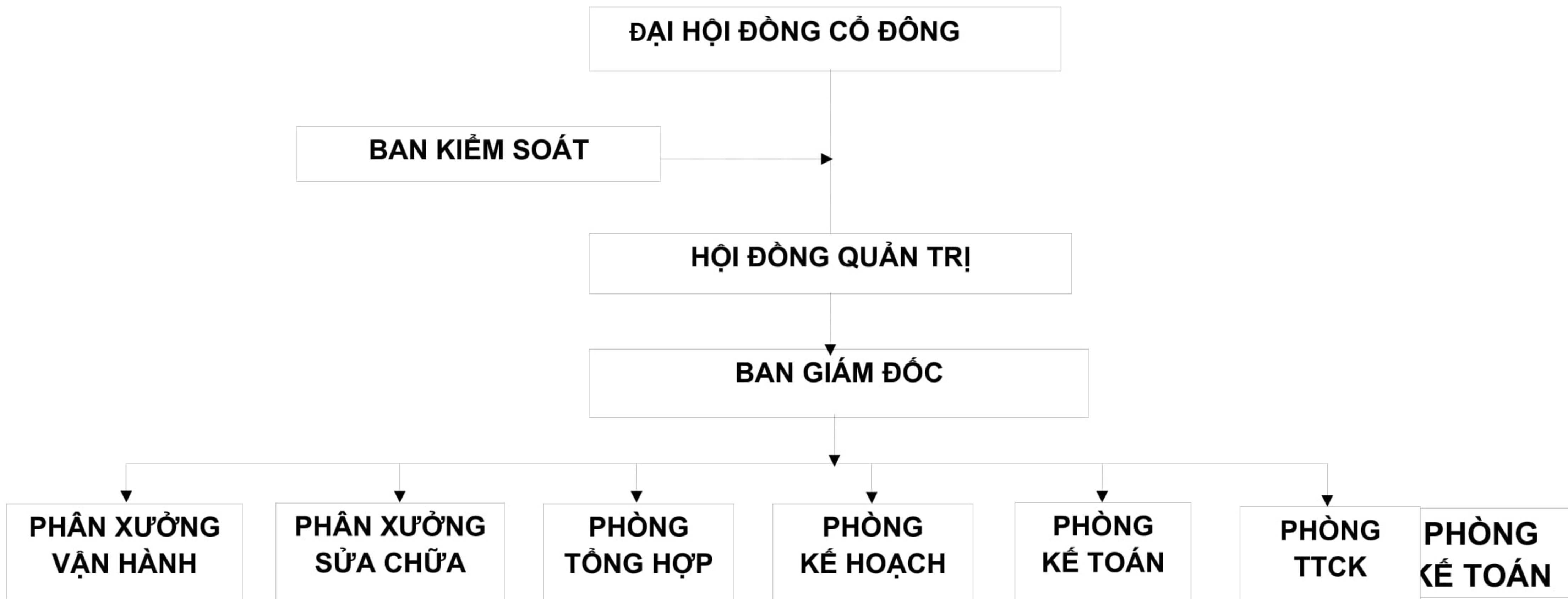
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:** Công ty thực hiện quản trị theo Điều lệ hoạt động và các quy chế quản lý, quản trị của Công ty ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành:
 - **Đại Hội đồng cổ đông:** Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt Cổ đông kiểm soát, đánh giá hoạt động

kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty và kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong thực hiện kế toán, kiểm toán của Công ty.

- **Hội đồng Quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông.
- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm: Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

○ Cơ cấu bộ máy quản lý:



▪ **Các Công ty con, Công ty liên kết:** *Không có*

4. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Sản xuất và kinh doanh điện năng, phát huy tối đa năng lực hiện có, từng bước mở rộng lĩnh vực đầu tư và kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông, người lao động và sự phát triển của xã hội.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục phát huy năng lực hiện có sản xuất điện năng đạt và vượt sản lượng điện thương phẩm bình quân hàng năm. Tìm kiếm các dự án có hiệu quả phù hợp với năng lực và mô hình của Công ty để đầu tư, từng bước thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực đã được đăng ký trong giấy phép kinh doanh.
- Đảm bảo SXKD có hiệu quả, lợi tức chia cho các Cổ đông đạt 20-30%/năm, thu nhập bình quân của CBCNV đạt trên 12 triệu đồng/người/tháng.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Với phương châm phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của Công ty với trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ việc giám sát chất lượng môi trường theo quy định. Ủng hộ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về điều kiện tự nhiên: Đặc thù của các nhà máy thủy điện là phụ thuộc nhiều vào nguồn nước tự nhiên, biến đổi khí hậu làm thay đổi lượng mưa, thời gian mưa và cường độ của những cơn mưa dẫn đến khô hạn không có nước để nhà máy hoạt động hoặc lũ lụt gây thiệt hại cơ sở vật chất của nhà máy.
- Rủi ro chung về Kinh tế xã hội: Các nhà máy Thủy điện hiện nay chỉ được mua bởi một đơn vị duy nhất là Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nên không có sự cạnh tranh về giá cả. Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá điện được cố định theo hợp đồng chưa được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường. Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục làm cho Công ty không chủ động được trong thực hiện các kế hoạch đã đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện(%)	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	292,721	88,44	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	292,592	281,690	96,27	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	278,392	248,261	89,18	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	14,200	33,429	235,42	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	185,134	158,314	85,51	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	107,459	123,375	114,81	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,373	9,913	184,50	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	102,086	113,462	111,14	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/ICP	24,19	26,89	111,16	

b) Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch: Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong một năm gặp bất lợi về thời tiết, hoạt động sản xuất kinh doanh điện trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn, do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa giảm so với lượng mưa trung bình nhiều năm dẫn đến lượng nước về hồ Sê San 4A giảm. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện chỉ đạt được 292,720/331,0 triệu kWh bằng 88,4% kế hoạch năm. Mặc dù trong năm 2019 nền kinh tế đất nước trên đà tăng trưởng ổn định, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể.

Do đó, năm 2019 các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Nguyễn Bình	TGD	1982	Cử nhân kinh tế	180.000
Trần Đức Hiền	P TGD	1972	Kỹ sư điện	44.560

b) Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi.

c) **Số lượng cán bộ, nhân viên:** 61 người tính đến thời điểm 31/12/2019 và được cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính:		
Nam	53	86,89%
Nữ	8	13,11%
Theo trình độ:		
Đại học và trên đại học	18	29,51%
Cao đẳng, trung cấp	19	31,15%
Lao động có tay nghề	16	26,23%
Lao động phổ thông	8	13,11%
Tổng	61	100%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) **Các khoản đầu tư lớn:** Chưa có.
- b) **Các công ty con, công ty liên kết:** Chưa có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.122.822.226.542	1.086.127.208.193	-3,27%
Doanh thu thuần	307.491.761.323	257.411.721.647	-16,29%
Lợi nhuận từ hoạt động k.doanh	138.030.365.728	99.344.078.438	-28,03%
Lợi nhuận khác	359.319.525	24.031.228.805	6587,98%
Lợi nhuận trước thuế	138.389.685.253	123.375.307.243	-10,85%
Lợi nhuận sau thuế	131.298.992.046	113.461.954.234	-13,59%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,93	1,13	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0,92	1,10	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,52	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,34	1,07	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	67,76	52,05	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,27	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,43	0,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,12	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,45	0,39	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần vào thời điểm 31/12/2019 là 42.200.000 cổ phiếu.

- *Cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2019:*

ST T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	609 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	22.705.903	53,8%
2	Công ty TNHH MTV Trung Sơn Gia Lai	155 Trần Phú, P. Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai	2.200.200	5,2%
3	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vĩnh hiệp	404 Lê Duẩn - TP.Pleiku - Gia Lai	4.844.089	11,5%

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	0	0	0%
Trong nước	1.085	42.179.800	99,952%
<i>Cá nhân</i>	1.075	10.212.358	24,200%
<i>Tổ chức</i>	10	31.967.442	75,752%
Nước ngoài	7	20.200	0,048%
Tổng cộng	1.092	42.200.000	100%

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần đang lưu hành	42.200.000	
2	Cổ phần chuyển nhượng tự do	42.200.000	
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: Sản phẩm chính của Công ty là sản xuất điện năng bằng thủy điện nên không có nguồn nguyên vật liệu.
- b. Nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Là nhà máy sản xuất điện năng nên công ty dùng điện tự dùng của nhà để phục vụ sản xuất, ngoài ra còn mua điện từ lưới điện quốc gia hoặc điện địa phương để sử dụng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt khi nhà máy không phát điện.
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: Công ty dùng nguồn nước thiên nhiên để sản xuất điện năng bằng hình thức nước tự chảy qua tuabin nhà máy và trả về cho thiên nhiên.

6.4. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tổng số CBCNV toàn Công ty là 61 người, mức lương bình quân năm 2019 là 12 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo chức danh và nhiệm vụ được giao và được trả vào ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng. Hàng năm tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty đưa ra mức thưởng phù hợp, đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động. Thực hiện các đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động theo quy định của luật lao động, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tếNgoài ra, hàng năm, Công ty căn cứ nhu cầu công việc của các Phòng, ban, phân xưởng để cử cán bộ đi đào tạo các lớp ngắn hạn theo yêu cầu công việc để nâng cao trình độ quản lý. Luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng CBCNV vận hành nhà máy, phục vụ nhiệm vụ sản xuất của Công ty, tổ chức cho CBCNV Công ty tham quan, du lịch, thực hiện các chế độ thưởng trong các dịp Lễ, Tết.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội:

Nhà máy thủy điện SS4A được xây dựng tại vùng biên giới khu vực đặt biệt khó khăn, trong quá trình đầu tư triển khai xây dựng dự án và sau khi đi vào vận hành kinh doanh hàng năm Công ty ủng hộ thường xuyên các chương trình an sinh xã hội tại địa phương mỗi năm khoảng 300 đến 500 triệu đồng. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương nhằm chung tay góp sức vào công cuộc đổi mới và phát triển của tỉnh Gia Lai.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK nhà nước:

Mục tiêu Công ty hướng đến là minh bạch mọi thông tin thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo thường niên đề cập đến phát triển bền vững, phát triển xanh. Đây sẽ là cơ hội để Công ty này "lọt" vào tầm ngắm, huy động vốn ngoại đến từ các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài chuyên về đầu tư xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong một năm gặp bất lợi về thời tiết, hoạt động sản xuất kinh doanh điện trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn, do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa giảm so với lượng mưa trung bình nhiều năm dẫn đến lượng nước về hồ Sê San 4A giảm. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện chỉ đạt được 292,720/331,0 triệu kWh bằng 88,4% kế hoạch năm. Mặc dù trong năm 2019 nền kinh tế đất nước trên đà tăng trưởng ổn định, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể. Do đó, năm 2019 các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra, cụ thể như sau:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện(%)	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	292,721	88,44	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	292,592	281,690	96,27	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	278,392	248,261	89,18	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	14,200	33,429	235,42	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	185,134	158,314	85,51	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	107,459	123,375	114,81	

5	Thuế thu nhập doanh nghiệp 5%	Tỷ đồng	5,373	9,913	184,50	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	102,086	113,462	111,14	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	24,19	26,89	111,16	

b) Công tác sản xuất điện:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện thuê nhà thầu có năng lực thực hiện duy tu sửa chữa thiết bị nhà máy định kỳ sau một năm vận hành vào các tháng mùa khô, đảm bảo thời gian so với kế hoạch không ảnh hưởng đến kế hoạch phát điện. Ngoài việc thuê đơn vị ngoài thực hiện, Công ty luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị cơ điện nhà máy, thiết bị trạm biến áp 220 KV và các hạng mục công trình thủy công, công trình xây dựng phục vụ công tác sản xuất điện nên nhà máy luôn vận hành ổn định, an toàn không có sự cố hỏng hóc thiết bị xảy ra. Thực hiện điều tiết tốt lưu lượng nước về hồ trong mùa khô để nâng cao hiệu quả vận hành, chủ động thực hiện công tác mua sắm các vật tư, thiết bị dự phòng cho các tổ máy kịp thời và tiết kiệm để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ: Năm 2019 Công ty thực hiện việc tổ chức kiểm tra an toàn định kỳ nhằm nâng cao ý thức trong công tác an toàn lao động cho người lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với điều kiện làm việc của từng cán bộ công nhân viên vận hành nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động của yếu tố môi trường làm việc gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động. Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy đều được bồi dưỡng, huấn luyện, kiểm tra định kỳ đạt yêu cầu trước khi bố trí công việc. Công tác phòng chống cháy nổ: Phòng chống cháy nổ tại nhà máy được trang bị đầy đủ các phương tiện dụng cụ theo qui định. Xây dựng và tổ chức diễn tập phương án chữa cháy trong khu vực Nhà Máy. Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm tra các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong công tác vận hành.

- Công tác phòng chống lụt bão và điều tiết nước về mùa kiệt: Việc thực hiện công tác Phòng chống lụt bão năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc theo đúng Quy trình vận hành liên hồ và quy trình vận hành đơn hồ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Phối hợp với các Nhà máy thủy điện bậc thang phía thượng lưu để nắm bắt tình hình diễn biến của lưu lượng nước về trên lưu vực sông Sê San nhằm đảm bảo duy trì phát điện 01 tổ máy để điều tiết nước về hạ du vào mùa kiệt theo quy định của quy trình vận hành đã được phê duyệt.

- Kết hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia cập nhật, tập huấn các quy định mới về công tác vận hành nhà máy điện. Công ty đã tổ chức phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên làm việc trong Nhà máy thực hiện đúng Nội quy, Quy trình, Quy phạm đã được cập nhật ban hành.

c) Công tác tài chính và chi trả cổ tức:

- Đôn đốc, giám sát Ban TGD chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ liên quan lập hồ sơ thanh toán tiền điện hàng tháng, thu hồi công nợ kịp thời, trả nợ Ngân

hàng và nộp các khoản thuế, phí với nhà nước đúng kỳ hạn. Chỉ đạo dùng nguồn tiền nhàn rỗi ngắn hạn của Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn, sử dụng hiệu quả để tăng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Trong năm 2019 thực hiện thanh toán 02 đợt bù tỷ giá năm 2016 và năm 2017 theo hợp đồng mua bán điện được 24,053 tỷ đồng.

- Chỉ đạo ban điều hành Công ty chủ động làm việc với Ngân hàng cho vay vốn BIDV Nam Gia Lai đề nghị điều chỉnh mức lãi suất vay phù hợp theo mặt bằng lãi suất chung của hợp đồng tín dụng hai bên đã thống nhất nội dung và ký kết phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung để thực hiện.
- Trong năm 2019, Công ty đã thanh toán chi trả cổ tức còn lại của năm 2018 vào ngày 29 tháng 01 năm 2019 với mức chi trả 9,0%/CP.
- Trên cơ sở số liệu kết quả SXKD năm 2019 HĐQT đã quyết định chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 với mức chi tạm ứng là 7%/1CP ngày thanh toán 02/08/2019, chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 mức tạm ứng 13% ngày thanh toán 16/01/2019. Tổng cộng đã chi trả cổ tức năm 2019 là 20%.
- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan hoàn thành công tác thanh quyết toán các chi phí lập báo cáo tài chính hàng quý theo quy định, rà soát số liệu, chứng từ kế toán và lập báo cáo kết thúc năm tài chính 2019 để Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán vào quý 01 năm 2020.

d) Công tác lao động, tiền lương:

- Tổng số CBCNV toàn Công ty là 61 người, trong đó lực lượng lao động sản xuất tại Nhà máy là 44 người. Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo chức danh và nhiệm vụ được giao, tùy theo kết quả hoạt động SXKD Công ty đưa ra mức thưởng phù hợp để khuyến khích người lao động. Trong năm qua, Công ty đã duy trì và đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty năm sau cao hơn năm trước.
- Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ ...v.v. Hàng năm, Công ty căn cứ nhu cầu công việc của các Phòng, ban, phân xưởng để cử cán bộ đi đào tạo các lớp ngắn hạn theo yêu cầu công việc để nâng cao trình độ quản lý. Luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng CBCNV vận hành nhà máy, phục vụ nhiệm vụ sản xuất của Công ty, hàng năm tổ chức cho CBCNV Công ty tham quan, du lịch, thực hiện các chế độ thưởng trong các dịp Lễ, Tết.

e) Công tác đầu tư phát triển các dự án mới:

- Các dự án điện mặt trời Công ty đang thực hiện các thủ tục để bổ sung quy hoạch vào quy hoạch phát triển điện lực của Tỉnh Gia Lai. Hiện nay do vị trí lập hồ sơ bổ sung quy hoạch 02 dự án điện mặt trời của Công ty bị quá tải về đường dây truyền tải điện nên thủ tục phê duyệt bổ sung quy hoạch đang được các cấp thẩm quyền xem xét.
- Công tác triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư trước mắt tạm dừng do không có đường dây đấu nối, sau khi đáp ứng đủ điều kiện đấu nối dự án vào hệ thống điện Quốc Gia sẽ tiếp tục triển khai thực hiện.

f) Công tác khác:

- Chỉ đạo Ban điều hành công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 26/04/2019, thực hiện chi trả cổ tức năm 2018; chi trả tạm ứng cổ tức năm 2019 cho Cổ đông.
- Chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty luôn tuân thủ các quy định về Chứng khoán, Thị trường Chứng khoán, công tác lập các loại báo cáo, công bố thông tin theo quy định áp dụng cho các Công ty niêm yết được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ tạo niềm tin cho Cổ đông và các nhà đầu tư.
- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể CBCNV và người lao động, quan tâm đến môi trường làm việc, điều kiện lao động và an toàn lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản :

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	85.160.850.855	100.288.743.739
Tài sản dài hạn	1.037.661.375.687	985.838.464.454
Tổng tài sản	1.122.822.226.542	1.086.127.208.193
Nguồn vốn chủ sở hữu	479.705.359.985	523.948.322.173
Nợ ngắn hạn	91.225.966.557	88.362.986.020
Nợ dài hạn	551.890.900.000	473.815.900.000

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là: 562.178.886.020 đ

Trong đó

- Nợ vay ngắn hạn: 88.362.986.020 , đ
- Nợ vay dài hạn: 473.815.900.000 , đ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Về cơ cấu tổ chức: Mục đích của Công ty là duy trì ổn định bộ máy tổ chức, bố trí phù hợp với kế hoạch của Công ty đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí, tinh giảm lực lượng lao động dư thừa.
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý nhân lực, kiểm soát mọi rủi ro, thường xuyên kiểm tra giám sát lực lượng sản xuất tại nhà máy. Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý phù hợp với các văn bản chính sách chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty, thắt chặt quản lý nội bộ, gắn trách nhiệm đến từng vị trí làm việc trong Công ty từ Ban điều hành đến CBCNV, người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục kinh doanh sản xuất điện năng với nhà máy thủy điện hiện có, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các nhà đầu tư, mang đến thịnh vượng cho CBCNV và người lao động.
- Xác định lĩnh vực thế mạnh của Công ty để tìm kiếm thêm các dự án có hiệu quả mở rộng lĩnh vực đầu tư trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Chấp thuận với ý kiến của Công ty kiểm toán độc lập.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội: Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về môi trường, thực hiện giám sát, đánh giá môi trường tại khu vực nhà máy thủy điện theo quy định ĐTM đã được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A đã triển khai giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và pháp luật của Nhà nước. Trong năm 2019 toàn thể CBCNV Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao cho. Đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định và cung cấp điện an toàn lên hệ thống lưới điện Quốc gia góp phần đảm bảo cung cấp nguồn phụ tải ổn định cho hệ thống :

- **Về sản lượng:** Hoạt động sản xuất sản lượng điện thương phẩm trong năm 2018 gặp nhiều khó khăn. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện chỉ đạt được 292,720/331,0 triệu kWh bằng 88,4% kế hoạch năm..

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- **Những nhân tố thuận lợi:**
 - Nền kinh tế Việt Nam trên đà tăng trưởng ổn định, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể.
- **Những nhân tố khó khăn :**
 - Hoạt động phát điện của Công ty gặp không ít rủi ro không lường trước do tình hình thời tiết biến đổi thất thường. Để khắc phục tính thời vụ của thời tiết nhằm đảm bảo kế hoạch sản lượng sản xuất đề ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý vận hành sản xuất điện, cụ thể như sau: Về mùa mưa tận dụng lượng nước về hồ nhiều chạy phát điện hết công suất của 03 tổ máy; Về mùa khô duy trì

phát điện theo quy trình điều tiết hồ chứa, và duy tu sửa chữa máy móc thiết bị, chuẩn bị thiết bị lúc nào cũng trong tình trạng được bảo dưỡng tốt nhất sẵn sàng cho việc chạy máy khi lưu lượng nước về hồ ổn định.

- Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá điện được cố định theo hợp đồng chưa được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường; Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục, hoặc có ban hành nhưng tính khả thi không cao.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Việc giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc điều hành đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty. Tổng giám đốc Công ty đã bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và Điều lệ Công ty. Khi có các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết của TGD đều xin ý kiến HĐQT để tổ chức thực hiện. Trong năm 2019 Ban giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, điều hành Công ty tiết kiệm chi phí, hoạt động đúng pháp luật, được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với các đối tác, các cơ quan quản lý nhà nước của Trung ương và tại địa phương. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty với nhà nước về các loại thuế và phí.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính thận trọng, tối ưu, tiết kiệm tối đa các chi phí.
- Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý Công ty khoa học phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của nhà nước, phù hợp với mô hình thực tế của Công ty để phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo Điều lệ hoạt động của Công ty, Luật doanh nghiệp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.
- Hàng năm phê duyệt chi phí và bố trí cho lực lượng cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo chuyên ngành phù hợp với mô hình SXKD của Công ty.
- Giám sát điều hành công tác SXKD đối với Ban điều hành Công ty, đưa ra các giải pháp chỉ đạo tối ưu. Chỉ đạo giám sát, kiểm soát nội bộ kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý, đảm bảo hiệu quả và tính minh bạch.
- **Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	289,563	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	280,772	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	5,000	
2.3	Tiền cấp quyền khai thác TN nước	Tỷ đồng	3,791	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	175,790	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	113,773	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp 5%	Tỷ đồng	11,377	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	102,396	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	24,26	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ cổ phần		Ghi chú
				CP nắm giữ	CP đại diện	
1	Nguyễn Sinh	Chủ tịch	05/07/1945	1.045.380	22.705.903	Đại diện cho Cty TNHH 30/4 Gia Lai
2	Phạm Văn Minh	Thành viên	10/12/1950	59.500		
3	Thái Như Hiệp	Thành viên	27/10/1963		4.844.089	Đại diện cho công ty TNHH Vĩnh Hiệp
4	Nguyễn Bình	Thành viên	16/8/1982	180.000		
5	Nguyễn An	Thành viên	10/05/1983	100.000		
6	Phan Văn Lân	Thành viên	18/09/1950	227.896		Bổ nhiệm 20/12/2018. Bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 01/01/2019.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A đã triển khai thực hiện những công việc thuộc

trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và pháp luật của Nhà nước. HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động giám sát, chỉ đạo đưa ra các nghị quyết, quyết định phục vụ cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp 04 lần. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng HĐQT mời trưởng các phòng, ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cao hơn cho Công ty.

Cụ thể trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ cụ thể với các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tình hình thủy văn lưu lượng nước về hồ trên hệ thống Sông Sê San. Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp nhằm chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế. HĐQT tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe Tổng Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.
- Hoạt động quản trị Công ty đều theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.
- Chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền đợt 3 năm 2018 với mức chi trả là 9,0%/CP, tương ứng với 900 đ/1CP ngày thanh toán 29/01/2019.
- Thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2019 với mức chi trả là 7,0%/CP, tương ứng với 700 đ/1CP ngày thanh toán 02/08/2019. Quyết định chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2, năm 2019, tỷ lệ chi trả (đợt 2) 13%, tương ứng với 1.300 đ/1CP thời gian chi trả từ ngày 16/01/2020, Tổng cộng đã chi trả cổ tức năm 2019 là 20% tương ứng mỗi cổ phần nhận được 2.000 đồng
- Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2019 (bao gồm cả soát xét báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ) là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung, thực hiện theo đúng quy định áp dụng cho Công ty niêm yết.
- Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp

khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các phòng, ban, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- Việc lập các báo cáo, công bố thông tin theo quy định của Công ty đại chúng niêm yết trên sàn được Chủ tịch HĐQT quán triệt thực hiện, đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ tạo niềm tin cho Cổ đông và các nhà đầu tư.

• *Các cuộc họp của HĐQT.*

T T	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Sinh	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Phạm Văn Minh	TV HĐQT độc lập	4	100%	
3	Nguyễn Bình	TV HĐQT kiêm TGD	4	100%	
4	Nguyễn An	TV HĐQT	4	100%	
5	Thái Như Hiệp	TV HĐQT	4	100%	
6	Phan Văn Lân	TV HĐQT độc lập	4	100%	

• *Các nghị quyết của HĐQT*

T T	Số nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung nghị quyết
1	Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT	02/01/2019	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức (đợt 3) bằng tiền mặt năm 2018
2	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT	21/02/2019	Phê duyệt nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐQT	18/05/2019	Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
4	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT	09/07/2019	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019
5	Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT	23/12/2019	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019
6	Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐQT	24/12/2019	Phê duyệt nội dung chi thưởng hàng năm cho HĐQT, BKS và toàn thể CBCNV Công ty theo kết quả lợi nhuận hàng năm của Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Thực hiện chung theo hoạt động của HĐQT.

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Chưa có tiểu ban

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Sinh	CT.HĐQT	32/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTC K
2	Phạm Văn Minh	TVHĐQT	26/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTC K
3	Nguyễn Bình	TVHĐQT	03/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTC K
4	Nguyễn An	TVHĐQT	01/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTC K
5	Đặng Mai Sơn	Thư ký HĐQT	33/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTC K

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ cổ phần	
					CP nắm giữ	CP đại diện
1	Lê thị Tuyết Lan	T.Ban	29/10/1978	Cử nhân kế toán	20.000	
2	Lê Văn Thuyết	T. Ban	20/11/1967	Thạc sỹ QTKD	40. 000	
3	Đỗ Tiên	TV	01/06/1962	Cử nhân kế toán	15.000	

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Năm 2019, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Các hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và việc điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Kiểm tra, giám sát chi phí sản xuất điện và các chứng từ kế toán liên quan đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019, Báo cáo tài chính năm 2019;
- Giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị;
- Đề xuất kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ Điều lệ của Công ty, các qui định Pháp luật liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng chi phí thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 là: 1.484,0 triệu đồng/1.610,0 triệu đồng đạt 92,17% so với kế hoạch đã bao gồm thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách

Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách hưởng thù lao.
- 04 TV HĐQT không chuyên trách hưởng thù lao.
- 01 TV HĐQT kiêm TGD hưởng thù lao.
- 01 Phụ trách quản trị Cty kiêm thư ký kiêm nhiệm hưởng thù lao

Ban kiểm soát

- 01 Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng thù lao.
- 02 Thành viên ban kiểm soát hưởng thù lao.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Sinh	Chủ tịch HĐQT	1.361.380	3,226%	1.268.002	3,005%	Mua, bán CP
2	Lê Vũ Dạ Uyên	Vợ TV HĐQT Nguyễn Bình	187.142	0,443%	320.475	0,759%	Mua
3	Nguyễn An	TV HĐQT	100.000	0,237%	350.000	0,829%	Mua

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có hợp đồng giao dịch

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán viên:** Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM – CHI NHÁNH
MIỀN TRUNG**

Địa chỉ : Tầng 3, Số 142, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : (84.236) 363 3334 **Fax:** (84.236) 363 3334

Website : www.rsm.com.vn

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Sinh	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên
Ông Thái Như Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn An	Thành viên
Ông Phan Văn Lân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Lê Văn Thuyết	Thành viên
Ông Đỗ Tiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bình	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Hiến	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam


BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.




Nguyễn Sinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

MỘT MẶT NGUYÊN

MỘT MẶT NGUYÊN



RSM Vietnam

Central Office
3rd Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward
Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số: 18/BCKT/2020-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/03/2020 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 293/2019/BCKT-AAC ngày 14/03/2019.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1



Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

RSM VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.288.743.739	85.160.850.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	51.131.026.254	31.121.641.929
1. Tiền	111		7.130.450.884	20.865.995.884
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.575.370	10.255.646.045
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.381.992.841	44.379.945.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	37.496.543.947	42.099.379.706
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.211.400.000	444.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.674.048.894	1.835.666.257
IV. Hàng tồn kho	140		2.660.809.656	1.569.288.674
1. Hàng tồn kho	141	4.6	2.660.809.656	1.569.288.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.114.914.988	6.089.974.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	3.114.914.988	6.089.974.289
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		985.838.464.454	1.037.661.375.687
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		981.678.731.920	1.031.329.724.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	978.278.731.920	1.027.929.724.783
Nguyên giá	222		1.387.723.817.798	1.386.845.434.535
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(409.445.085.878)	(358.915.709.752)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	3.400.000.000	3.400.000.000
Nguyên giá	228		3.400.000.000	3.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		80.000.000	80.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	80.000.000	80.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.079.732.534	6.251.650.904
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	4.11	4.079.732.534	6.251.650.904
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.086.127.208.193	1.122.822.226.542

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

5

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		562.178.886.020	643.116.866.557
I. Nợ ngắn hạn	310		88.362.986.020	91.225.966.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	111.997.108	2.368.050
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	6.575.560.292	8.314.383.738
3. Phải trả người lao động	314		-	1.136.350.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	754.828.916	877.451.011
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.843.027.675	1.892.111.125
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	78.075.000.000	78.075.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.002.572.029	928.302.633
II. Nợ dài hạn	330		473.815.900.000	551.890.900.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	473.815.900.000	551.890.900.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		523.948.322.173	479.705.359.985
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	523.948.322.173	479.705.359.985
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		422.000.000.000	422.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		422.000.000.000	422.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.026.367.939	15.026.367.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.921.954.234	42.678.992.046
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83.921.954.234	42.678.992.046
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.086.127.208.193	1.122.822.226.542



Nguyễn Sinh
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Bình
 Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hậu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Duyên
 Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

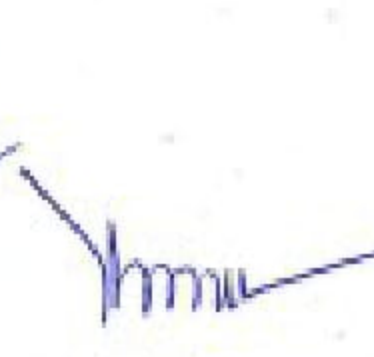
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	257.411.721.647	307.491.761.323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		257.411.721.647	307.491.761.323
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	110.096.041.682	106.701.394.598
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		147.315.679.965	200.790.366.725
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.089.669.303	1.543.665.072
7. Chi phí tài chính	22	5.4	43.944.521.460	56.732.315.833
Trong đó, chi phí lãi vay	23		41.399.280.960	45.893.265.833
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.116.749.370	7.571.350.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		99.344.078.438	138.030.365.728
11. Thu nhập khác	31	5.6	24.053.000.000	360.000.000
12. Chi phí khác	32	5.7	21.771.195	680.475
13. Lợi nhuận khác	40		24.031.228.805	359.319.525
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123.375.307.243	138.389.685.253
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	9.913.353.009	7.090.693.207
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		113.461.954.234	131.298.992.046
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	2.689	3.071
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	2.689	3.071



Nguyễn Bình
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Bình
 Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hậu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Duyên
 Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		285.649.117.792	291.349.514.670
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(18.402.781.088)	(9.647.346.221)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.025.521.968)	(7.931.077.542)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(41.460.359.811)	(45.986.590.365)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(11.536.902.705)	(10.311.857.489)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.119.951.701	39.750.252.114
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(72.283.842.098)	(95.673.302.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		165.079.681.845	161.549.592.824
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(104.770.763)	(2.532.794.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	327.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(11.000.000.000)	(52.038.993.629)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.000.000.000	52.170.799.185
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		678.558.693	2.080.604.347
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		573.785.930	(13.112.151)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(78.075.000.000)	(72.346.200.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(67.569.083.450)	(176.877.038.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(145.644.083.450)	(249.223.238.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		20.009.384.325	(87.686.757.577)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.121.641.929	118.808.399.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		51.131.026.254	31.121.641.929



Nguyễn Sinh
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Bình
 Tổng Giám đốc

Vũ Thị Hậu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Duyên
 Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 ngày 15 tháng 05 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 175/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27 tháng 05 năm 2016, Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là S4A với giá tham chiếu là 15.000 VND/ Cổ phiếu.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 422.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia /Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH 30/04 Gia Lai	Việt Nam	227.059.030.000	53,81	227.059.030.000	53,81
Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	Việt Nam	48.440.890.000	11,48	48.440.890.000	11,48
Các cổ đông khác		146.500.080.000	34,71	146.500.080.000	34,71
Cộng		422.000.000.000	100%	422.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60 (31/12/2018: 61 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng đường dây và trạm biến thế;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện; Truyền tải điện; Phân phối và kinh doanh điện năng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng cáo và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện;
- Khai thác đá, sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (tận dụng từ việc đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu
Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho
Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2019
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 46 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng đất tại số 650 đường Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần trong vòng 1 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay được ước tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính dựa trên gốc vay và lãi suất vay.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán điện thương phẩm***

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 06/HĐ-NMĐ SS4A ngày 11/05/2012 ký kết với Công ty mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm: chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành được xác định như sau:

- Dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến 2025);
- Dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023);
- Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ về Luật thuế TNDN và theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000030 ngày 17/07/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân; trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	625.543.424	756.568.533
Tiền gửi ngân hàng	8.504.907.460	20.109.427.351
Tiền gửi ngân hàng không quá 3 tháng	44.000.575.370	10.255.646.045
Cộng	51.131.026.254	31.121.641.929

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	37.496.543.947	42.099.379.706
Cộng	37.496.543.947	42.099.379.706

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH XD&TM điện năng	395.400.000	395.400.000
Công ty TNHH MTV Kiểm toán và Kế toán AAC	-	49.500.000
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Vidana	816.000.000	-
Cộng	1.211.400.000	444.900.000

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	41.931.507	-	60.906.057	-
Tạm ứng	2.632.117.387	-	1.774.760.200	-
Cộng	2.674.048.894	-	1.835.666.257	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.660.809.656	-	1.569.288.674	-
Cộng	2.660.809.656	-	1.569.288.674	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phí bảo hiểm rủi ro tài sản	336.236.320	410.586.895
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	5.058.983.000
Bổ sung hoàn thiện hệ thống SCADA, AGC	-	566.666.667
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn	-	53.757.727
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy	2.778.678.668	-
Cộng	3.114.914.988	6.089.974.289

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	PT tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	448.069.189.525	925.246.289.034	13.342.637.508	187.318.468	1.386.845.434.535
Mua trong năm nay	-	954.770.763	-	-	954.770.763
Thanh lý, nhượng bán	-	(78.387.500)	-	-	(78.387.500)
Tại ngày 31/12/2019	448.069.189.525	926.124.672.297	13.342.637.508	187.318.468	1.387.723.817.798
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	83.637.799.299	269.482.876.825	5.607.715.160	187.318.468	358.915.709.752
Khấu hao trong năm nay	11.027.649.156	37.924.480.510	1.639.829.585	-	50.591.759.251
Thanh lý, nhượng bán	-	(62.383.125)	-	-	(62.383.125)
Tại ngày 31/12/2019	94.665.448.455	307.344.974.210	7.247.344.745	187.318.468	409.445.085.878
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	364.431.390.226	655.763.412.209	7.734.922.348	-	1.027.929.724.783
Tại ngày 31/12/2019	353.403.741.070	618.779.698.087	6.095.292.763	-	978.278.731.920

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 967.850.916.071 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.875.400.624 VND.

4.9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2019	3.400.000.000	3.400.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2019	3.400.000.000	3.400.000.000
Khấu hao:		
Tại ngày 01/01/2019	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2019	-	-
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2019	3.400.000.000	3.400.000.000
Tại ngày 31/12/2019	3.400.000.000	3.400.000.000

(*) Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 650 Lê Duẩn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai với nguyên giá là 3.400.000.000 VND do nhận góp vốn từ Công ty TNHH 30/04 Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Không có tài sản cố định đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí khảo sát dự án môi	80.000.000	80.000.000
Cộng	80.000.000	80.000.000

4.11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thiết bị phụ tùng thay thế nhà máy thủy điện	4.079.732.534	6.251.650.904
Cộng	4.079.732.534	6.251.650.904

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trung tâm kinh doanh VNPT - Gia Lai	2.037.864	2.037.864	2.166.224	2.166.224
Công ty Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	61.543.244	61.543.244	-	-
Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường	40.562.000	40.562.000	-	-
Các đối tượng khác	7.854.000	7.854.000	201.826	201.826
Cộng	111.997.108	111.997.108	2.368.050	2.368.050

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019	Trong năm		Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.620.170.472	28.499.530.565	28.407.566.107	1.528.206.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	519.089.120	9.913.353.009	11.536.902.705	2.142.638.816
Thuế thu nhập cá nhân	132.733.459	1.097.947.178	1.049.944.105	84.730.386
Thuế tài nguyên	1.493.760.149	27.010.865.093	27.035.818.514	1.518.713.570
Thuế xuất, nhập khẩu	-	152.464.100	152.464.100	-
Các khoản phí, lệ phí	2.809.807.092	10.637.951.716	10.768.239.576	3.040.094.952
Cộng	6.575.560.292	77.212.111.661	78.950.935.107	8.314.383.738

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	754.155.617	815.234.468
Chi phí thuê đường truyền	-	61.543.244
Các khoản trích trước khác	673.299	673.299
Cộng	754.828.916	877.451.011

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.843.027.675	1.892.111.125
Cộng	1.843.027.675	1.892.111.125

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thảng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (USD)	473.815.900.000	473.815.900.000	-	78.075.000.000	551.890.900.000	551.890.900.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (VND)	356.115.900.000	356.115.900.000	-	58.075.000.000	414.190.900.000	414.190.900.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	117.700.000.000	117.700.000.000	-	20.000.000.000	137.700.000.000	137.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (USD)	78.075.000.000	78.075.000.000	78.075.000.000	78.075.000.000	78.075.000.000	78.075.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (VND)	58.075.000.000	58.075.000.000	58.075.000.000	58.075.000.000	58.075.000.000	58.075.000.000
Cộng	551.890.900.000	551.890.900.000	78.075.000.000	156.150.000.000	629.965.900.000	629.965.900.000

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 15/01/2008 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai và Phụ lục hợp đồng số 01/2009/PLHD ngày 03/03/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/2009/PLHD ngày 16/04/2009, phụ lục sửa đổi số 01/2014/PL-HĐTD ngày 17/03/2014. Hạn mức tín dụng tối đa bao gồm cả VND và USD là 845.864.000.000 VND, trong đó USD quy đổi thành VND là 464.753.000.000 VND. Mục đích vay là Xây dựng Thủy điện Sê San 4A, với thời hạn vay là 18 năm. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 2,5%/ năm đối với khoản vay VND, phí ngân hàng là 2%/năm đối với khoản vay USD và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 29/12/2011 đối với khoản vay bằng VND, ngày 29/06/2012 đối với khoản vay USD. Tài sản thế chấp cho khoản nợ vay này là toàn bộ tài sản của dự án nhà máy Thủy điện Sê San 4A.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2018	422.000.000.000	14.026.367.939	92.037.528.581	528.063.894.520
Lãi trong năm trước	-	-	131.298.992.046	131.298.992.046
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.417.526.581)	(2.417.526.581)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(177.240.000.000)	(177.240.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2019	422.000.000.000	15.026.367.939	42.678.992.046	479.705.359.985
Lãi trong năm nay	-	-	113.461.954.234	113.461.954.234
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Chia cổ tức năm trước(**)	-	-	(37.980.000.000)	(37.980.000.000)
Chia cổ tức năm nay (**)	-	-	(29.540.000.000)	(29.540.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.698.992.048)	(1.698.992.048)
Tại ngày 31/12/2019	422.000.000.000	18.026.367.939	83.921.954.234	523.948.322.173

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ/2019/ĐHĐCĐ-S4A ngày 26/04/2019.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông số 04/2019/NQ-HĐQT ngày 09/07/2019, tỷ lệ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 là 7%/ cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng danh sách cổ đông hưởng quyền là ngày 24/07/2019.

4.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH 30/04 Gia Lai	227.059.030.000	227.059.030.000
Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	48.440.890.000	48.440.890.000
Các cổ đông khác	146.500.080.000	146.500.080.000
Cộng	422.000.000.000	422.000.000.000

BẢNG THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	422.000.000.000	422.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	422.000.000.000	422.000.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	- Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	42.200.000	42.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	113.461.954.234	131.298.992.046
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.698.992.046
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	113.461.954.234	129.600.000.000
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	42.200.000	42.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.689	3.071

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	113.481.954.234	131.298.992.046
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.698.992.046
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	113.481.954.234	129.600.000.000
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	42.200.000	42.200.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	42.200.000	42.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.689	3.071

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính lại giảm trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được tính chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như điều lệ Công ty chưa quy định tỷ lệ trích quỹ.

4.17.7. Cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	67.569.083.450	178.907.172.250

Theo thông báo số 17/2019/CBTT-HĐQT ngày 23/12/2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A về đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019, tỷ lệ chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 là 13%/CP, ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 06/01/2020 và thời gian thanh toán là ngày 16/01/2020.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	257.411.721.647	307.491.761.323
Cộng	257.411.721.647	307.491.761.323

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	110.096.041.682	106.701.394.598
Cộng	110.096.041.682	106.701.394.598

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	659.582.143	1.543.665.072
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	6.337.160	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm	2.423.750.000	-
Cộng	3.089.669.303	1.543.665.072

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	41.399.280.960	45.893.265.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.545.240.500	671.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm	-	10.167.250.000
Cộng	43.944.521.460	56.732.315.833

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.180.321.038	2.449.061.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.697.560.825	1.910.477.682
Các khoản chi phí khác	3.238.867.507	3.211.811.054
Cộng	7.116.749.370	7.571.350.236

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	327.272.727
Thu nhập từ cho thuê trụ sở	-	32.727.273
Tiền chênh lệch tỷ giá năm 2016,2017	24.053.000.000	-
Cộng	24.053.000.000	360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	14.004.375	-
Chi phí khác	7.766.820	680.475
Cộng	21.771.195	680.475

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	4.083.630.084	1.986.710.839
Chi phí nhân công	8.157.706.116	9.166.033.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.591.759.251	50.112.712.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.826.005.221	2.018.135.746
Chi phí khác bằng tiền	51.553.690.380	50.989.152.262
Cộng	117.212.791.052	114.272.744.834

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	123.375.307.243	138.389.685.253
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	99.322.307.243	138.029.685.253
- Hoạt động không được ưu đãi	24.053.000.000	360.000.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.567.475.152	2.248.433.422
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.567.475.152	2.248.433.422
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.567.475.152	2.248.433.422
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	125.942.782.395	140.638.118.675
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	101.889.782.395	140.278.118.675
- Hoạt động không được ưu đãi	24.053.000.000	360.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.999.578.240	14.098.811.868
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10.188.978.240	14.027.811.868
- Hoạt động không được ưu đãi	4.810.600.000	72.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	5.094.489.120	7.013.905.934
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5.094.489.120	7.013.905.934
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.913.353.009	7.090.693.207
Trong đó		
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	9.905.089.120	7.085.905.934
- Điều chỉnh chi phí TNDN hiện hành kỳ trước vào kỳ này	8.263.889	4.787.273

26

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	78.075.000.000	72.346.200.000
Cộng	78.075.000.000	72.346.200.000

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

<u>Danh sách bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH 30/04 Gia Lai HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Công ty mẹ Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH 30/04 Gia Lai Chi trả cổ tức	36.329.444.800	95.364.792.600
Cộng	36.329.444.800	95.364.792.600

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao của HĐQT	1.318.000.000	1.292.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.129.740.000	970.700.000
Cộng	2.447.740.000	2.262.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. THÙ LAO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban kiểm soát	254.000.000	235.000.000
Cộng	254.000.000	235.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Sinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Bình
Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Duyên
Người lập



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Sinh